TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1143/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v Ly hôn giữa chị N và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 647/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị N trình bày: Chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyển số: 1 do Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở bên nhà chồng tại địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian hạnh phúc không kéo dài thì đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V thường xuyên uống rượu về nhà say xỉn gây sự, đập phá đồ đạc trong gia đình, chửi bới, đánh vợ, trong cuộc sống do bất đồng

quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra gây gổ, cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào năm 2016 khi chị N phát hiện anh V ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù hai người vẫn sống chung cùng một nhà nhưng thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay. Chị N xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên chị N kiện yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh V có 02 người con chung G, sinh ngày: 29/8/2001 và L, sinh ngày: 21/4/2014. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu G và L với lý do hai cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, hiện nay hai cháu đang ở với mẹ, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N làm nghề buôn bán thịt heo ngoài chợ, có thu mức nhập trên 10,000,000 đồng/tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi sống bản thân và hai con, vì vậy chị N chưa yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh V trình bày: Anh V thừa nhận phần trình bày của chị N về điều kiện tiến tới hôn nhân giữa anh V và chị N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: Đường Z, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng không có. Về yêu cầu ly hôn của chị N thì anh V không đồng ý, với lý do còn thương vợ con. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh V và chị N có 02 người con chung G, sinh ngày: 29/8/2001 và L, sinh ngày: 21/4/2014, anh V không có ý kiến về con chung. Về tài sản chung: Anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị N và anh V không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh V đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, mà nguyên nhân chính là do vợ chồng bất hòa quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, cũng như trong việc chăm sóc, giáo dục con cái. Anh V không những không chăm lo cho đời sống vợ con, không tu trí làm ăn, vun đắp hạnh phúc gia đình mà ngược lại thường xuyên tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt say xỉn, khi về đến nhà thì kiếm cớ gây gổ, đánh đập, hành hạ vợ dẫn đến việc vợ chồng chị N và anh V đã ly thân kể từ khoảng giữa tháng 6/2017 đến nay nên việc giải thoát chị N khỏi cuộc sống hôn nhân với anh V là điều cần thiết, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh V không đến Tòa án để giải quyết vụ việc, điều đó chứng tỏ anh V hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cha con với mẹ con chị N.

Con chung G đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, con chung L hiện còn nhỏ và đang ở với chị N. Để đảm bảo ổn định tâm sinh lý và điều kiện phát triển về sau, xét thấy việc giao con chung Trọng Nhân cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 1,000,000 đồng/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị N là được ly hôn với anh V. Chị N được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung G và L, anh V không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Anh V (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyển số: 1 do Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2000. Căn cứ Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2000, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh V, theo nguyên đơn xuất phát từ việc anh V thường xuyên uống rượu về nhà say xỉn gây sự, chửi bới, đánh vợ và đập phá đồ đạc trong gia đình, mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào năm 2016 chị N phát hiện anh V ngoại tình, ngoài ra trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng ly thân từ khoảng giữa năm 2017 cho đến nay. Xét lời khai của nguyên đơn đưa ra phù hợp với chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện tại Phiếu yêu cầu xác minh số 416/TAHCC ngày 04 tháng 6 năm 2018, Công an xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời *"Anh V có hộ khẩu thường trú tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện còn cư ngụ tại địa phương. Anh V và chị N hiện còn chung sống với nhau, trong quá trình chung sống giữa anh V và chị N thường xảy ra mâu thuẫn hay gây gổ với nhau. Anh V thường xuyên uống rượu say xỉn về gây gổ với vợ con"*. Như vậy, cho thấy quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị N và anh V đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu và trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay như chị N đã trình bày là có cơ sở, việc bị đơn khai quá trình chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn là không có căn cứ và không phù hợp với chứng cứ do Tòa án đã thu thập, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời phản bác này của phía bị đơn. Xét thấy thời gian vợ chồng chị N và anh V ly thân đến nay đã lâu và đây cũng là khoảng thời gian để anh V nhìn nhận lại bản thân để khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm nhưng cho đến nay anh V vẫn không thay đổi. Theo kết quả xác minh thì anh V hiện đang cư trú tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt, cho thấy anh V không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, có cơ sở xác định, quá trình chung sống anh V đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở, thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu G, sinh ngày: 29/8/2001 và L, sinh ngày: 21/4/2014. Tại Bản tự khai ngày 01/6/2018, cháu G trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Đối với cháu L tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu chưa đủ bảy tuổi do đó không cần có lời khai để xem xét nguyện vọng của cháu muốn ở với ai sau khi cha mẹ ly hôn.

Cháu G chưa đủ 18 tuổi và cháu L mới 04 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Hiện tại, công việc của chị N là buôn bán, có mức thu nhập ổn định, hiện hai cháu đang ở với mẹ, tại phiên tòa chị N cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao hai cháu G và L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1,000,000 đồng/01 tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, nhưng chị N chưa yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét việc nguyên đơn chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung là tự nguyện, phù hợp với hướng dẫn tại điểm a Mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung. Trường hợp nếu sau này một trong các bên đương sự có tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Chị N và anh V xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032589 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị N và anh V.

1.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung G, sinh ngày: 29/8/2001 và L, sinh ngày: 21/4/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc chưa yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh V được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung: Chị N và anh V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Chị N và anh V xác định không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032589 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh V không phải chịu án phí..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- UBND xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính